**GỢI Ý CÁC CHỦ ĐỀ THI NÓI CUỐI KỲ 1 – LỚP 10**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UNIT** | **PHẦN THI NÓI THEO CHỦ ĐỀ** | **PHẦN HỎI ĐÁP (Q&A)** |
| **Unit 1** | * Talk about your daily routines * Talk about your mother’s/ father’s daily routines |  |
| **Unit 2** | - Talk about your class (class; members; teachers; subject you like – Why?; …)  - Talk about your timetable at school (how many subjects/ lessons a day; time to start/ finish; when do you have English lessons; …) |  |
| **Unit 3** | - Talk about the person you like the most (name; job; appearance; personalities; reasons you like him/ her; …)  - Talk about your father’s/ mother’s background (where/when was he/she born; study; job; achievements; …) |  |
| **Unit 4** | * Talk about your lower secondary school (which school; how many classes; your close friends; what exam did you take; your feeling when studying there; …) * Talk about a voluntary club / charitable organization (name / activities / reasons you like it / …) |  |
| **Unit 5** | * Talk about a modern device you like the most (name; what is it used for; why do you like it?; …) * Talk about the advantages/ disadvantages of computer (name; what is it used for; why do you dislike it?; …) |  |
| **Unit 6** | * Talk about your picnic/ holiday (the past simple)   + (time; place; means of transport; activities; feelings; group members; …)   * Talk about a picnic/ holiday you may go at the end of the first term. (the future simple)   + (Plan: group members; time; place; means of transport; activities; …) |  |
| **Unit 7** | * Talk about your favorite programme (name of the programme; how often do you watch; which channel; why do you like it; …) * Talk about the advantages/ disadvantages of watching TV (name; frequency; reasons/feelings; …) |  |
| **Unit 8** | - Talk about plans and their possible results (in the village/ town, city/…). |  |

**HƯỚNG DẪN CHẤM NÓI (Tổng điểm phần nói: 2,0 điểm)**

Mỗi học sinh có 15 phút cho phần thi nói; trong đó có 10 phút chuẩn bị và 5 phút để nói. Trong quá trình chuẩn bị học sinh được dùng bút, giấy nháp (do giám khảo phát). Phần nói được chia thành 3 nội dung:

1. **Giới thiệu bản thân.**
2. **Nói theo chủ đề: Học sinh nói theo chủ đề đã bốc thăm.**
3. **Phần hỏi đáp.**

Giáo viên cho điểm mỗi thành phần ứng với mức độ nhận thức học sinh đạt được. Hướng dẫn chấm nói này đánh giá chung cả phần giới thiệu bản thân, nói theo chủ đề và hỏi đáp sau khi nói.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng: 2 điểm** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Nội dung (0,8đ)** | **(0,2đ)**   * Trả lời ở mức độ tối thiểu yêu cầu của bài: có một số ý chính nhưng ý có thể chưa được triển khai. * Không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không   phù hợp. | **(0,4đ)**   * Trả lời được cơ bản yêu cầu của bài: có khá đầy đủ ý chính nhưng triển khai ý còn rời rạc hoặc có ý không liên quan. * Có dẫn chứng, nhưng đôi chỗ dẫn chứng chưa phù   hợp. | **(0,6đ)**   * Trả lời khá đầy đủ yêu cầu của bài: đủ ý chính, các ý thông nhất, có liên quan, được triển khai nhưng có chỗ chưa cân xứng. * Dẫn chứng khá phù hợp và thuyết phục. | **(0,8đ)**   * Trả lời đầy đủ yêu cầu của bài: đủ ý chính, các ý thống nhất, được triển khai cân xứng, * Dẫn chứng phù hợp và thuyết phục. |
| **Độ lưu loát, liên kết và phát âm (0,4đ)** | **(0,1đ)**   * Gặp khó khăn trong việc duy trì tốc độ nói. Nói vấp, lặp lại hoặc nói chậm. * Không có hoặc hạn chế phương tiện kết nối. * Phát âm hạn chế, còn nhiều lỗi sai phát âm, gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,2đ)**   * Cơ bản duy trì được tốc độ nói nhưng còn nói vấp, lặp, chậm. * Có sử dụng phương tiện kết nối, tuy nhiên còn đơn giản, máy móc hoặc không phù hợp. * Biết phát âm cơ bản nhưng độ chính xác chưa cao, phát âm sai một số âm tiết gây   khó hiểu cho người nghe. | **(0,3đ)**   * Có khả năng duy trì nói khá dài dù đôi chỗ lặp, sửa lại, phân vân… và độ lưu loát chưa cao. * Biết cách sử dụng các phương tiện kết nối khá hiệu quả nhưng đôi chỗ dùng phương tiện kết nối chưa phù hợp. * Phát âm khá tốt, khá dễ nghe, nhưng chưa hoàn toàn chính xác, đôi khi bỏ sót âm hoặc phát âm không rõ ràng nhưng người nghe vẫn có thể hiểu. | **(0,4đ)**   * Nói lưu loát, trôi chảy trong hầu hết thời gian. Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng. * Sử dụng các phương tiện kết nối linh hoạt, phù hợp và hiệu quả. * Phát âm tốt, dễ nghe, dễ hiểu, có rất ít chỗ bỏ sót âm hoặc phát âm không rõ ràng. |
| **Từ vựng (0,4đ)** | **(0,1đ)**  - Từ vựng liên quan đến chủ đề còn hạn chế, lặp hoặc không phù hợp, gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,2đ)**  - Từ vựng liên quan đến chủ đề cơ bản đủ để diễn đạt ý. Một số từ dùng không phù hợp, gây khó hiểu cho người nghe.  - Biết cách sử dụng cách nói khác để diễn đạt ý. | **(0,3đ)**  - Từ vựng liên quan đến chủ đề khá đa dạng để diễn đạt ý. Đôi chỗ dùng từ chưa phù hợp nhưng người nghe vẫn có thể hiểu.  - Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, cụm động từ, thành ngữ…tuy nhiên đôi chỗ còn mắc  lỗi. | **(0,4đ)**  - Từ vựng có liên quan đến chủ đề phong phú, tự nhiên.  - Sử dụng đa dạng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, cụm động từ, thành ngữ…với rất ít lỗi. |
| **Ngữ pháp (0,4đ)** | **(0,1đ)**  - Sử dụng hầu hết các cấu trúc câu đơn giản.  - Có nhiều lỗi ngữ pháp, ảnh hưởng lớn đến ý cần diễn đạt. | **(0,2đ)**   * Sử dụng được cả câu đơn, câu ghép, câu phức.   - Còn lỗi sai về ngữ pháp, ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. | **(0,3đ)**   * Sử dụng đa dạng cấu trúc câu, tuy nhiên còn lỗi, nhất là câu phức.   - Có rất ít lỗi về ngữ pháp, đôi chỗ ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. | **(0,4đ)**   * Sử dụng đa dạng, linh hoạt cấu trúc câu. * Còn một vài lỗi ngữ pháp, nhưng hầu như không   ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. |

**CHỦ ĐỀ THI NÓI CUỐI KỲ II – KHỐI 10**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UNIT** | **PHẦN THI NÓI THEO CHỦ ĐỀ** | **PHẦN HỎI ĐÁP (Q&A)** |
| **Unit 9** | Why is water polluted? Propose some solutions to protect the water environment (seas, rivers, lakes, oceans) |  |
| **Unit 10** | Talk about a kind of sea animal that needs to be protected (name, range and habitat, size, life span, special features, conservation concerns, …) |  |
| **Unit 11** | Have you ever been to a national park/ zoo? (If not, which national park/ zoo would you like to visit most?) (name; what to see/do there; a good place for wild animals?; …) |  |
| **Unit 12** | What kind of music do you like? (kind; song(s); favourite singer; when/how often do you listen; …) |  |
| **Unit 13** | Which film do you like the most? (kind; main characters; plot; …) |  |
| **Unit 14** | Talk about a football team you like (name, footballers, reasons, your football idol, …) |  |
| **Unit 16** | Talking about historical places. |  |

**HƯỚNG DẪN CHẤM NÓI (Tổng điểm phần nói: 2,0 điểm)**

Hướng dẫn chấm nói này đánh giá chung cả phần giới thiệu bản thân, nói theo chủ đề và hỏi đáp sau khi nói.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng: 2 điểm** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Nội dung (0,8đ)** | **(0,2đ)**   * Trả lời ở mức độ tối thiểu yêu cầu của bài: có một số ý chính nhưng ý có thể chưa được triển khai. * Không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù   hợp. | **(0,4đ)**   * Trả lời được cơ bản yêu cầu của bài: có khá đầy đủ ý chính nhưng triển khai ý còn rời rạc hoặc có ý không liên quan. * Có dẫn chứng, nhưng đôi chỗ dẫn chứng chưa phù   hợp. | **(0,6đ)**   * Trả lời khá đầy đủ yêu cầu của bài: đủ ý chính, các ý thông nhất, có liên quan, được triển khai nhưng có chỗ chưa cân xứng. * Dẫn chứng khá phù hợp và thuyết phục. | **(0,8đ)**   * Trả lời đầy đủ yêu cầu của bài: đủ ý chính, các ý thống nhất, được triển khai cân xứng, * Dẫn chứng phù hợp và thuyết phục. |
| **Độ lưu loát, liên kết và phát âm (0,4đ)** | **(0,1đ)**   * Gặp khó khăn trong việc duy trì tốc độ nói. Nói vấp, lặp lại hoặc nói chậm. * Không có hoặc hạn chế phương tiện kết nối. * Phát âm hạn chế, còn nhiều lỗi sai phát âm, gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,2đ)**   * Cơ bản duy trì được tốc độ nói nhưng còn nói vấp, lặp, chậm. * Có sử dụng phương tiện kết nối, tuy nhiên còn đơn giản, máy móc hoặc không phù hợp. * Biết phát âm cơ bản nhưng độ chính xác chưa cao, phát âm sai một số âm tiết gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,3đ)**   * Có khả năng duy trì nói khá dài dù đôi chỗ lặp, sửa lại, phân vân… và độ lưu loát chưa cao. * Biết cách sử dụng các phương tiện kết nối khá hiệu quả nhưng đôi chỗ dùng phương tiện kết nối chưa phù hợp. * Phát âm khá tốt, khá dễ nghe, nhưng chưa hoàn toàn chính xác, đôi khi bỏ sót âm hoặc phát âm không rõ ràng nhưng người nghe vẫn có thể hiểu. | **(0,4đ)**   * Nói lưu loát, trôi chảy trong hầu hết thời gian. Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng. * Sử dụng các phương tiện kết nối linh hoạt, phù hợp và hiệu quả. * Phát âm tốt, dễ nghe, dễ hiểu, có rất ít chỗ bỏ sót âm hoặc phát âm không rõ ràng. |
| **Từ vựng (0,4đ)** | **(0,1đ)**  - Từ vựng liên quan đến chủ đề còn hạn chế, lặp hoặc không phù hợp, gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,2đ)**   * Từ vựng liên quan đến chủ đề cơ bản đủ để diễn đạt ý. Một số từ dùng không phù hợp, gây khó hiểu cho người nghe. * Biết cách sử dụng cách nói khác để diễn đạt ý. | **(0,3đ)**   * Từ vựng liên quan đến chủ đề khá đa dạng để diễn đạt ý. Đôi chỗ dùng từ chưa phù hợp nhưng người nghe vẫn có thể hiểu. * Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, cụm động từ, thành ngữ…tuy nhiên đôi chỗ còn mắc lỗi. | **(0,4đ)**   * Từ vựng có liên quan đến chủ đề phong phú, tự nhiên. * Sử dụng đa dạng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, cụm động từ, thành ngữ…với rất ít lỗi. |
| **Ngữ pháp (0,4đ)** | **(0,1đ)**  - Sử dụng hầu hết các cấu trúc câu đơn giản.  - Có nhiều lỗi ngữ pháp, ảnh hưởng lớn đến ý cần diễn đạt. | **(0,2đ)**   * Sử dụng được cả câu đơn, câu ghép, câu phức.   - Còn lỗi sai về ngữ pháp, ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. | **(0,3đ)**   * Sử dụng đa dạng cấu trúc câu, tuy nhiên còn lỗi, nhất là câu phức.   - Có rất ít lỗi về ngữ pháp, đôi chỗ ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. | **(0,4đ)**   * Sử dụng đa dạng, linh hoạt cấu trúc câu. * Còn một vài lỗi ngữ pháp, nhưng hầu như không ảnh hưởng đến ý   cần diễn đạt. |

**GỢI Ý CÁC CHỦ ĐỀ THI NÓI CUỐI KỲ – TIẾNG ANH LỚP 11**

**HỌC KỲ I**

Mỗi học sinh có 15 phút cho phần thi nói; trong đó có 10 phút chuẩn bị và 5 phút để nói.

**Part 1. Introduction** *(Maximum: 1 minute).* **(0.5 point)**

* Introduce yourself in brief;
* Something about your family, your hobbies…

#### Part 2. Choose one of the topics. (1.5 points)

1. What are the causes of overpopulation?
2. What are the core values of a good friendship?
3. Talk about your most embarrassing experience.
4. How do you understand the saying “**A friend in need is a friend indeed**”?
5. What is your favorite way to practice English?
6. Describe a party you have attended.
7. Why do people like volunteer work?
8. Talk about some ways to improve English speaking skill.
9. Talk about the party you are going to organize.
10. Talk about a sporting event you have taken part in or watched.

#### HỌC KỲ II

**Part 1. Introduction** *(Maximum: 1 minute).* **(0.5 point)**

* Introduce yourself in brief;
* Something about your family, your hobbies…

#### Part 2. Choose one of the topics. (1.5 points)

1. Talk about some of the services that the post office offers. What are these services for?
2. Name some problems of the nature nowadays? What can we do to solve the problems?
3. Name some sources of energy? State some advantages and disadvantages of one source of energy.
4. Talk about a famous athlete you like or admire.
5. Talk about one of your hobbies.
6. Talk about your collection.
7. Describe some important events in space exploration.
8. Talk about a wonder of the world or a wonder of your country that you know.
9. Describe a sport you like doing.
10. Talk about your favorite leisure activity.

#### HƯỚNG DẪN CHẤM NÓI KIỂM TRA CUỐI KỲ TIẾNG ANH LỚP 11

Giáo viên cho điểm mỗi thành phần ứng với mức độ nhận thức học sinh đạt được. Hướng dẫn chấm nói này đánh giá chung cả phần giới thiệu bản thân và nói theo chủ đề.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng: 2 điểm** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Nội dung (0,8đ)** | **(0,2đ)**  - Trả lời ở mức độ tối thiểu yêu cầu của bài: có một số ý chính nhưng ý có thể chưa được triển khai.  - Không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp. | **(0,4đ)**  - Trả lời được cơ bản yêu cầu của bài: có khá đầy đủ ý chính nhưng triển khai ý còn rời rạc hoặc có ý không liên quan.  - Có dẫn chứng, nhưng đôi chỗ dẫn chứng chưa phù hợp. | **(0,6đ)**  - Trả lời khá đầy đủ yêu cầu của bài: đủ ý chính, các ý thông nhất, có liên quan, được triển khai nhưng có chỗ chưa cân xứng.  - Dẫn chứng khá phù hợp và thuyết phục. | **(0,8đ)**  - Trả lời đầy đủ yêu cầu của bài: đủ ý chính, các ý thống nhất, được triển khai cân xứng,  - Dẫn chứng phù hợp và thuyết phục. |
| **Độ lưu loát, liên kết và phát âm (0,4đ)** | **(0,1đ)**  - Gặp khó khăn trong việc duy trì tốc độ nói. Nói vấp, lặp lại hoặc nói chậm.  - Không có hoặc hạn chế phương tiện kết nối.  - Phát âm hạn chế, còn nhiều lỗi sai phát âm, gây khó hiểu cho người nghe | **(0,2đ)**   * Cơ bản duy trì được tốc độ nói nhưng còn nói vấp, lặp, chậm. * Có sử dụng phương tiện kết nối, tuy nhiên còn đơn giản, máy móc hoặc không phù hợp.   - Biết phát âm cơ bản nhưng độ chính xác chưa cao, phát âm sai một số âm tiết gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,3đ)**   * Có khả năng duy trì nói khá dài dù đôi chỗ lặp, sửa lại, phân vân… và độ lưu loát chưa cao.   - Biết cách sử dụng các phương tiện kết nối khá hiệu quả nhưng đôi chỗ dùng phương tiện kết nối chưa phù hợp.  - Phát âm khá tốt, khá dễ nghe, nhưng chưa hoàn toàn chính xác, đôi khi bỏ sót âm hoặc phát âm không rõ ràng nhưng người nghe vẫn có thể hiểu. | **(0,4đ)**   * Nói lưu loát, trôi chảy trong hầu hết thời gian. Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng.   - Sử dụng các phương tiện kết nối linh hoạt, phù hợp và hiệu quả.  - Phát âm tốt, dễ nghe, dễ hiểu, có rất ít chỗ bỏ sót âm hoặc phát âm không rõ ràng. |
| **Từ vựng (0,4đ)** | **(0,1đ)**  - Từ vựng liên quan đến chủ đề còn hạn chế, lặp hoặc không phù hợp, gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,2đ)**   * Từ vựng liên quan đến chủ đề tạm đủ để diễn đạt ý. Một số từ dùng không phù hợp, còn gây khó hiểu cho người nghe.   - Biết cách sử dụng cách nói khác để diễn đạt ý. | **(0,3đ)**   * Từ vựng liên quan đến chủ đề khá đa dạng để diễn đạt ý. Đôi chỗ dùng từ chưa phù hợp nhưng người nghe vẫn có thể hiểu.   - Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, cụm động từ, thành ngữ…tuy nhiên đôi chỗ còn mắc lỗi. | **(0,4đ)**   * Từ vựng có liên quan đến chủ đề phong phú, tự nhiên. * - Sử dụng đa dạng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ cụm động từ, thành ngữ…với rất ít lỗi. |
| **Ngữ pháp (0,4đ)** | **(0,1đ)**   * Sử dụng hầu hết các cấu trúc câu đơn giản.   - Có nhiều lỗi ngữ pháp, ảnh hưởng lớn đến ý cần diễn đạt. | **(0,2đ)**   * Sử dụng được cả câu đơn, câu ghép, câu phức.   - Còn lỗi sai về ngữ pháp, ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. | **(0,3đ)**   * Sử dụng đa dạng cấu trúc câu, tuy nhiên còn lỗi, nhất là câu phức.   - Có rất ít lỗi về ngữ pháp, đôi chỗ ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. | **(0,4đ)**   * Sử dụng đa dạng, linh hoạt cấu trúc câu. * Còn một vài lỗi ngữ pháp, nhưng hầu như không ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. |

**GỢI Ý CÁC CHỦ ĐỀ THI NÓI CUỐI KỲ – TIẾNG ANH LỚP 12**

**HỌC KỲ I**

1. **Talk about an ideal child-parent relationship in your opinion.**

You can use the following cues: How should parents be? // How should children be? // What should be done when there is a conflict?

#### Talk about a relationship that is important to you.

You can use the following cues: What is the relationship? // How is it important? // Why is it important to you?

#### Talk about your household chores.

You can use the following cues: What is the role of doing household chores? // Which household chores do you do? How often? // Which of the chores do you like doing most? // Which of the chores do you dislike doing most?

#### Talk about the causes and effects of gender inequality.

You can use the following cues: What are the causes of gender inequality? // What are the effects of gender inequality? // What are the solution to that?

#### Talk about what you think is the most important skill you need as a high school student.

You can use the following cues: Which skill is it? // Why is it important? // What problem people may have if you don’t have that skill?

#### Talk about the pros and cons of online higher education programs.

You can use the following cues: What are the benefits of online higher education programs? // What are the drawbacks of online higher education programs? // Would you choose an online higher education course after leaving school?

#### Talk about advantages and disadvantages of working in the environment of cultural diversity.

You can use the following cues: What are the advantages of cultural diversity? // What are the disadvantages of cultural diversity? // What is your opinion about cultural diversity?

#### Talk about your future university.

You can use the following cues: What is its name? // Where is it located? // What is interesting your university? // What activities do you do at your university? // What subject do you intend to study?

#### Talk about the job you would most like to have.

You can use the following cues: What this job would be. // Where you would work. // Which qualifications you would need and have. // Why you would like to have this job.

#### Talk about your idea of making a good first impression in job interview.

You can use the following cues: Why is it important? // What way would you do it in your job interview? // Explain how to make a good first impression in a job interview.

#### Talk about a city or country you want to live the most in the future.

You can use the following cues: What city it is. // Where it is located. // Why you like it.

**HỌC KỲ II**

1. **It is a fact that many species of animals are in danger of extinction, talk about the causes of the problem.**

You can use the following cues: habitat destruction // commercial exploitation // pollution

#### Talk about a book that you have read.

You can use the following cues: The title/ type of book/ author/main character. // The brief content. // Your opinion of the book.

#### Talk about your favorite sport.

You can use the following cues: What is the sport? // How did your first know about it? // How often do you play it? // Why is it your favorite sport?

#### Talk about the roles of women in a family.

You can use the following cues: What are the responsibilities of women in family? // What is the woman’s role/ status in the family? // What is the importance of woman in the family? // How is the woman important for the family?

#### Talk about your favorite city / town in your country or in the world.

You can use the following cues: What city/ town is it? // Where is it? // What are the main features of the city/town? // What are the most famous places in this city? // Why do you like this city/town most? // Have you ever been there? // Do you have any plan to visit it in the future?

#### Talk about what you yourself can do to prevent global warming.

You can use the following cues: What causes global warming? // What are the effects of global warming? // What can you do to prevent it?

#### Talk about an activity you do to stay healthy.

You can use the following cues: What is the activity? // When did you start it? // How often do you do it? // Why do you do it?

#### Talk about an international organization you would like to work for.

You can use the following cues: Name of the organization. // Aim of the organization. // Activities that you can take part in.

#### Talk about a sport game you have watched.

You can use the following cues: What it is? // When you watch it? // How you watch it? // Why you like watching it?

#### Talk about a water sport that you would like to do.

You can use the following cues: What is the sport? // Where is it played? // What equipment is required to play with? // Why would you like to do it?

#### Talk about a football match that you've watched recently.

You can use the following cues: When/Where? // The two teams. // The start of the match. // The first half of the match. // The second half of the match. // The result of the match. // …

#### HƯỚNG DẪN CHẤM NÓI - KIỂM TRA CUỐI KỲ TIẾNG ANH LỚP 12

Giáo viên cho điểm mỗi thành phần ứng với mức độ nhận thức học sinh đạt được. Hướng dẫn chấm nói này đánh giá chung cả phần giới thiệu bản thân và nói theo chủ đề.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng:**  **2 điểm** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Nội dung (0,8đ)** | **(0,2đ)**   * Trả lời ở mức độ tối thiểu yêu cầu của bài: có một số ý chính nhưng ý có thể chưa được triển khai. * Không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp. | **(0,4đ)**   * Trả lời được cơ bản yêu cầu của bài: có khá đầy đủ ý chính nhưng triển khai ý còn rời rạc hoặc có ý không liên quan. * Có dẫn chứng, nhưng đôi chỗ dẫn chứng chưa phù hợp. | **(0,6đ)**   * Trả lời khá đầy đủ yêu cầu của bài: đủ ý chính, các ý thông nhất, có liên quan, được triển khai nhưng có chỗ chưa cân xứng. * Dẫn chứng khá phù hợp và thuyết phục. | **(0,8đ)**   * Trả lời đầy đủ yêu cầu của bài: đủ ý chính, các ý thống nhất, được triển khai cân xứng, * Dẫn chứng phù hợp và thuyết phục. |
| **Độ lưu loát, liên kết và phát âm**  **(0,4đ)** | **(0,1đ)**   * Gặp khó khăn trong việc duy trì tốc độ nói. Nói vấp, lặp lại hoặc nói chậm. * Không có hoặc hạn chế phương tiện kết nối. * Phát âm hạn chế, còn nhiều lỗi sai phát âm, gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,2đ)**   * Cơ bản duy trì được tốc độ nói nhưng còn nói vấp, lặp, chậm. * Có sử dụng phương tiện kết nối, tuy nhiên còn đơn giản, máy móc hoặc không phù hợp. * Biết phát âm cơ bản nhưng độ chính xác chưa cao, phát âm sai một số âm tiết gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,3đ)**   * Có khả năng duy trì nói khá dài dù đôi chỗ lặp, sửa lại, phân vân… và độ lưu loát chưa cao. * Biết cách sử dụng các phương tiện kết nối khá hiệu quả nhưng đôi chỗ dùng phương tiện kết nối chưa phù hợp. * Phát âm khá tốt, khá dễ nghe, nhưng chưa hoàn toàn chính xác, đôi khi bỏ sót âm hoặc phát âm không rõ ràng nhưng người nghe vẫn có thể hiểu. | **(0,4đ)**   * Nói lưu loát, trôi chảy trong hầu hết thời gian. Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng. * Sử dụng các phương tiện kết nối linh hoạt, phù hợp và hiệu quả. * Phát âm tốt, dễ nghe, dễ hiểu, có rất ít chỗ bỏ sót âm hoặc phát âm không rõ ràng. |
| **Từ vựng (0,4đ)** | **(0,1đ)**  - Từ vựng liên quan đến chủ đề còn hạn chế, lặp hoặc không phù hợp, gây khó hiểu cho người nghe. | **(0,2đ)**  - Từ vựng liên quan đến chủ đề cơ bản đủ để diễn đạt ý. Một số từ dùng không phù hợp, gây khó hiểu cho người nghe.  - Biết cách sử dụng cách nói khác để diễn đạt ý. | **(0,3đ)**  - Từ vựng liên quan đến chủ đề khá đa dạng để diễn đạt ý. Đôi chỗ dùng từ chưa phù hợp nhưng người nghe vẫn có thể hiểu.  - Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, cụm động từ, thành ngữ…tuy nhiên đôi chỗ còn mắc lỗi. | **(0,4đ)**  - Từ vựng có liên quan đến chủ đề phong phú, tự nhiên.  - Sử dụng đa dạng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, kết hợp từ, cụm động từ, thành ngữ…với rất ít lỗi. |
| **Ngữ pháp**  **(0,4đ)** | **(0,1đ)**   * Sử dụng hầu hết các cấu trúc câu đơn giản. * Có nhiều lỗi ngữ pháp, ảnh hưởng lớn đến ý cần diễn đạt. | **(0,2đ)**   * Sử dụng được cả câu đơn, câu ghép, câu phức. * Còn lỗi sai về ngữ pháp, ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. | **(0,3đ)**   * Sử dụng đa dạng cấu trúc câu, tuy nhiên còn lỗi, nhất là câu phức. * Có rất ít lỗi về ngữ pháp, đôi chỗ ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. | **(0,4đ)**   * Sử dụng đa dạng, linh hoạt cấu trúc câu. * Còn một vài lỗi ngữ pháp, nhưng hầu như không ảnh hưởng đến ý cần diễn đạt. |